

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẾN TRE **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/DS-PT
Ngày: 16/01/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2023/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3881/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Hạnh H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H: Ông Trần Chí T, sinh năm 1981, địa chỉ: ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Ông T, bà L có mặt; ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2023 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Huỳnh Thị Hạnh H là ông Trần Chí T trình bày như sau:

Từ năm 2020 đến năm 2022 bà H có tham gia chơi hội do bà L làm chủ hội. Tuy nhiên, đến giữa năm 2022 (âm lịch) bà L tuyên bố bế hội, đồng thời ngừng tất cả các hoạt động về hội. Khi bà L tuyên bố bế hội, bà L còn nợ bà H tổng số tiền là 145.000.000 đồng. Cụ thể gồm:

- Dây hội thứ 1: Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 15/10/2020, gồm 26 hội viên, bà H tham gia chơi 03 phần. Khi bế hội bà L còn nợ: 49.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 2: Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/3/2021, gồm 26 hội viên, bà H tham gia chơi 01 phần. Khi bế hội bà L còn nợ: 15 phần hội chết x 1.000.000đ = 15.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 3: Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 10/9/2021, gồm 24 hội viên, bà H tham gia chơi 01 phần. Khi bế hội bà L còn nợ 41.000.000 đồng. Trong đó: 09 phần hội chết x 2.000.000đ = 18.000.000 đồng, 01 phần hội mua là 23.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 4: Hội 2.000.000 đồng, khai ngày 25/10/2021, gồm 23 hội viên, bà H tham gia chơi 01 phần. Khi bế hội bà L còn nợ 40.000.000 đồng. Trong đó 08 phần hội chết x 2.000.000đ = 16.000.000 đồng, 01 phần hội mua là 24.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tại buổi hòa giải ngày 20/6/2023 hai bên thống nhất số nợ bà L còn nợ bà H là 107.000.000 đồng. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T1 là chồng bà L có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền hội là: 107.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2023 và biên bản hòa giải ngày 20/6/2023, bị đơn bà Hồ Thị L trình bày:

Các phần hội nguyên đơn trình bày là đúng, bà thừa nhận còn nợ số tiền hội của bà H là 107.000.000 đồng. Bà xin trả dần mỗi tháng 02 triệu đồng cho đến khi hoàn tất số tiền 107.000.000 đồng, vì hiện nay bà không có khả năng. Mục đích chơi hội là để lo kinh tế gia đình, chứ bà không cờ bạc hay tiêu xài cá nhân. Ông T1 chồng bà không có tham gia cùng với bà làm chủ hội. Số tiền nợ nêu trên bà tự gây nợ, bà tự chịu nên không đồng ý liên đới cùng ông T1 trả số nợ nêu trên.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/6/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Hiện tại số tiền nợ hội giữa bà L với bà H là bao nhiêu thì ông không biết, nhưng ông có biết bà L làm chủ hội, ông không có tham gia vào việc làm chủ hội; việc bà L nợ ai, số tiền nợ bao nhiêu, chơi ra sao ông cũng không biết. Bà L làm chủ hội, chơi hội như thế nào không có bàn bạc, không thông qua ý kiến của ông. Đến khi sự việc bế hội, các hội viên đến nhà đòi thì lúc đó ông mới biết. Qua yêu

cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông có trách nhiệm liên đới với bà L thì ông không đồng ý.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện B đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2023/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hạnh H đối với bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T1.

2. Buộc bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Hạnh H số tiền nợ hui là 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/9/2023 bị đơn bà Hồ Thị L kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho bà được trả dần số tiền 107.000.000 đồng, cụ thể: mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Hồ Thị L giữ nguyên quan điểm kháng cáo là yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bà L, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của của bị đơn Hồ Thị L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2023/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Hồ Thị L trong thời hạn luật định và đúng qui định của pháp luật, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị L về việc xin trả dần số nợ:

Nguyên đơn Huỳnh Thị Hạnh H yêu cầu bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hui là 107.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L thừa nhận còn nợ tiền hui của bà H là 107.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên cho bà H, do đó đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay, bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết hôn vào ngày 28/06/2002 nên hôn nhân của bà L và ông

T1 là hôn nhân hợp pháp, ông T1, bà L vẫn đang sống chung với nhau, đồng thời bà L trình bày mục đích của việc chơi hụi là trang trải cuộc sống chung gia đình và ông T1 có biết bà L là chủ hụi nhưng không biết tiền nợ hụi bao nhiêu, do đó ông T1 phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả nợ hụi cho bà H là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Bà L yêu cầu được trả dần số nợ mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Xét thấy: Khi bà L và bà H thoả thuận việc góp hụi thì các bên không có thoả thuận về việc trả dần số tiền hụi, tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bà H không đồng ý việc trả nợ dần số tiền 107.000.000 đồng. Mặt khác, về thời gian và cách thức trả nợ được thực hiện ở cơ quan thi hành án. Do đó, nội dung kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L không có cơ sở để chấp nhận. Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc trả nợ dần của bà L, buộc bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T1 phải liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Hạnh H số tiền 107.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bà Hồ Thị L kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị L.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hồ Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 67/2023/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre., Cù thể tuyên:

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biên, phường;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hạnh H đối với bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T1.

2. Buộc bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Hạnh H số tiền nợ hụi là 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Hồ Thị L và ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 5.350.000 đồng (Năm triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Huỳnh Thị Hạnh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.625.000 đồng (Ba triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004871 ngày 08 tháng 5 năm 2023 và của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hồ Thị L phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007564 ngày 19/9/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng KTNV và THA; VP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Minh Đạt

